Chi tiết mã HS 0303.92.00

Mã HS	0303.92.00
Mô tả hàng hóa	Cá, đông lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Gan, sẹ và bọc trứng cá, vây, đầu, đuôi, bong bóng và các phụ phẩm ăn được sau giết mổ khác của cá: / - - Vây cá mập
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 10:45:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03039200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K437
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N437
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q437
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ437
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E431
ATIGA	2022	2022	0	AT!E432
ATIGA	2023	2023	0	AT!F432
ATIGA	2024	2024	0	AT!G432
ATIGA	2025	2025	0	AT!H432
ATIGA	2026	2026	0	AT!I432
ATIGA	2027	2027	0	AT!J432
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E434
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F434
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G434

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H434
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I434
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J434
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E434
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F434
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G434
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H434
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I434
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J434
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F432
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H431
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F434
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G434
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H434
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I434
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J434
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K434
VKFTA	2022	2022	0	VK!E432
VKFTA	2023	2023	0	VK!F432
VKFTA	2024	2024	0	VK!G432
VKFTA	2025	2025	0	VK!H432
VKFTA	2026	2026	0	VK!I432
VKFTA	2027	2027	0	VK!J432
VCFTA	2022	2022	4	VC!D433
VCFTA	2023	2023	2	VC!E433
VCFTA	2024	2024	0	VC!F433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G433
VCFTA	2026	2026	0	VC!H433
VCFTA	2027	2027	0	VC!I433
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D436
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E436
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F436
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G436
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H436
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I436
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D433
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E433
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F433
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G433
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H433
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I433
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D431
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E431
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F431
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G431
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H431
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I431
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D433
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E433
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F433
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G433
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H433

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I433
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D433
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E433
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F433
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G433
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H433
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I433
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J433
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D432
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E432
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F432
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G432
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H432
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I432
RCEP B	2022	2022	0	B!D432
RCEP B	2023	2023	0	B!E432
RCEP B	2024	2024	0	B!F432
RCEP B	2025	2025	0	B!G432
RCEP B	2026	2026	0	B!H432
RCEP B	2027	2027	0	B!I432
RCEP C	2022	2022	0	C!D432
RCEP C	2023	2023	0	C!E432
RCEP C	2024	2024	0	C!F432
RCEP C	2025	2025	0	C!G432
RCEP C	2026	2026	0	C!H432
RCEP C	2027	2027	0	C!I432

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D432
RCEP D	2023	2023	0	D!E432
RCEP D	2024	2024	0	D!F432
RCEP D	2025	2025	0	D!G432
RCEP D	2026	2026	0	D!H432
RCEP D	2027	2027	0	D!I432
RCEP E	2022	2022	0	E!D432
RCEP E	2023	2023	0	E!E432
RCEP E	2024	2024	0	E!F432
RCEP E	2025	2025	0	E!G432
RCEP E	2026	2026	0	E!H432
RCEP E	2027	2027	0	E!I432
RCEP F	2022	2022	0	F!D432
RCEP F	2023	2023	0	F!E432
RCEP F	2024	2024	0	F!F432
RCEP F	2025	2025	0	F!G432
RCEP F	2026	2026	0	F!H432
RCEP F	2027	2027	0	F!I432
VIFTA	2024	2024	*	VI!F414
VIFTA	2025	2025	*	VI!G414
VIFTA	2026	2026	*	VI!H414
VIFTA	2027	2027	*	VI!I414

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0303.92.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 0303.92.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N437), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.